



HP Compaq Elite 8200 Intel® Core™ i7 i7-2600 4 GB DDR3-SDRAM 1 TB Windows 7 Professional Máy tính để bàn Máy tính cá nhân Màu đen

Nhãn hiệu : HP

Họ sản phẩm: Compaq Elite

Mã sản phẩm: B0E59ES

Tên mẫu : 8200

HP Compaq Elite 8200. Tốc độ bộ xử lý: 3,4 GHz, Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i7, Model vi xử lý: i7-2600. Bộ nhớ trong: 4 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR3-SDRAM, Tốc độ xung nhịp bộ nhớ: 1333 MHz. Tổng dung lượng lưu trữ: 1 TB, Loại ổ đĩa quang: DVD Super Multi. Model card đồ họa on-board: Intel® HD Graphics 2000. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 7 Professional, Cấu trúc hệ điều hành: 64-bit. Nguồn điện: 320 W. Loại khung: Máy tính để bàn. Sản Phẩm: Máy tính cá nhân. Màu sắc sản phẩm: Màu đen



Bộ xử lý		Phần mềm	
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Cấu trúc hệ điều hành	64-bit
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i7	Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 7 Professional
Thế hệ bộ xử lý	2nd gen Intel® Core™ i7		Windows 7 Professional 32-bit
Model vi xử lý *	i7-2600		Windows 7 Professional 64-bit
Số lõi bộ xử lý	4	Các hệ thống vận hành tương thích	Windows 7 Ultimate 32-bit Windows
Các luồng của bộ xử lý	8		7 Ultimate 64-bit Windows 7 Home
Tần số turbo tối đa	3,8 GHz		Premium 32-bit Windows 7 Home
Tốc độ bộ xử lý *	3,4 GHz		Premium 64-bit Windows 7 Home
Đầu cắm bộ xử lý	LGA 1155 (Socket H2)		Basic 32-bit
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	8 MB	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache	Intel® Wireless Display (Intel® WiDi)	✗
Tốc độ bus hệ thống	5 GT/s	Kiến trúc Intel® 64	✓
Loại bus	DMI	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Phát hiện lỗi FSB Parity	✗	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✓
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	32 nm	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit	Intel® Insider™	✓
Dòng vi xử lý	Intel Core i7-2600 Desktop Series	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Tên mã bộ vi xử lý	Sandy Bridge	Công nghệ Intel® Clear Video	✗
Công suất thoát nhiệt TDP	95 W	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trạng Mở rộng (EPT)	✓
Nhiệt độ CPU (Tcase)	72,6 °C	Trạng thái Chờ	✓
Phiên bản PCI Express	2.0	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Số lượng tối đa đường PCI Express	16	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Số lượng bộ xử lý được cài đặt	1	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✓
Chia bậc	D2	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Tỷ lệ Bus/Nhân	34		
Bộ nhớ trong tối đa được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	32 GB		
Loại bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	DDR3-SDRAM		

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	1066,1333 MHz	Công nghệ Giao diện hiển thị linh hoạt (FDI) của Intel®	✓
Băng thông bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý (tối đa)	21 GB/s	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗	Công nghệ Intel Fast Memory Access	✓
Bộ nhớ		Intel® Enhanced Halt State	✓
Bộ nhớ trong *	4 GB	Intel® Demand Based Switching	✗
Bộ nhớ trong tối đa *	16 GB	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✗
Loại bộ nhớ trong	DDR3-SDRAM	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	37.5 x 37.5 mm
Bố cục bộ nhớ	2 x 2 GB	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX
Khe cắm bộ nhớ	4x DIMM	Mã của bộ xử lý	SR00B
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	1333 MHz	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Các kênh bộ nhớ	Kênh đôi	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Dung lượng		Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Tổng dung lượng lưu trữ *	1 TB	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Loại ổ đĩa quang *	DVD Super Multi	Công nghệ Intel® Dual Display Capable	✓
Số lượng ổ cứng được cài đặt	2	Công nghệ Lưu trữ Nhanh của Intel®	✗
Dung lượng ổ đĩa cứng	500 GB	ID ARK vi xử lý	52213
Giao diện ổ cứng	SATA	Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Dung lượng ổ cứng	3.5"	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Đồ họa		Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Card đồ họa on-board *	✓	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✗
Họ card đồ họa on-board	Intel® HD Graphics	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Model card đồ họa on-board *	Intel® HD Graphics 2000	Công nghệ Chống Trộm của Intel	✗
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	850 MHz	Vi xử lý không xung đột	✗
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1350 MHz	Điện	
Số hiển thị được hỗ trợ (đồ họa on-board)	2	Nguồn điện *	320 W
ID card đồ họa on-board	0x102	Điều kiện hoạt động	
hệ thống mạng		Nhiệt độ cho phép khi vận hành (T-T)	10 - 35 °C
Kết nối mạng Ethernet / LAN *	✓	Độ ẩm tương đối để vận hành (H-H)	10 - 90 phần trăm
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Tính bền vững	
Công nghệ cáp	10/100/1000Base-T(X)	Chứng chỉ bền vững	NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Cổng giao tiếp		Trọng lượng & Kích thước	
Số lượng cổng USB 2.0 *	10	Chiều rộng *	178 mm
Số lượng cổng VGA (D-Sub)	1	Độ dày *	445 mm
Cổng DVI	✗	Chiều cao *	448 mm
Số lượng cổng DisplayPorts	1	Trọng lượng *	11,2 kg
Số lượng cổng PS/2	2	Màn hình	
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1	Màn hình bao gồm *	✗
Giắc cắm micro	✓	Các đặc điểm khác	
Đầu ra tai nghe	1	Kích thước (Rộng x Độ dày x Cao)	178 x 445 x 448 mm
Đường dây ra	✓	Khả năng tương thích Mac	✗
Đường dây vào	✓	Số lượng tối đa của bộ xử lý SMP	1
Số lượng cổng chuỗi	1	Các tính năng của mạng lưới	Gigabit Ethernet
Khe cắm mở rộng		Nền	Máy tính cá nhân
PCI Express x1 khe cắm	1	Tuân thủ các tiêu chuẩn công nghiệp	IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3ab
PCI Express x16 khe cắm	1	Họ card đồ họa	Intel
Khe cắm PCI	3	Thiết kế	
Loại khung *	Máy tính để bàn		
Số lượng khe 5.25"	3		
Số lượng khe 3.5"	3		
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen		
Nước xuất xứ	Trung Quốc		

Hiệu suất		Các đặc điểm khác	
Chipset bo mạch chủ	Intel® Q67 Express	Loại chuẩn giao tiếp Ethernet	Gigabit Ethernet
Hệ thống âm thanh	HD	Công nghệ cấp đồng ethernet	1000BASE-T, 1000BASE-TX, 100BASE-T, 100BASE-TX, 10BASE-T
Sản Phẩm *	Máy tính cá nhân		

Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.

Publication date: 24-JUN-2025. Prints or copies of Information are only valid on the printed Publication date